

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

Số: **375/2020/QĐST-HNGĐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

MCN, ngày 11 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

Căn cứ các điều 211, 213, 361, 396, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 399/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1983;

HKTT: ấp T, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Bà **Từ Thị Phương A**, sinh năm 1982;

HKTT: ấp T, xã T, huyện N, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn T và bà Từ Thị Phương A thành hôn và đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, ông T và bà A làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh để phát triển kinh tế chung gia đình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng hay cãi nhau về vấn đề tiền bạc, tiền làm ra mạnh ai nấy xài. Vợ chồng đã ly thân 02 tháng nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T và bà A yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Sự thỏa thuận này của ông T và bà A là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Ông T và bà A khai không có.

[3] Về tài sản chung: Ông T và bà A không yêu cầu giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông T và bà A khai không có.

[5] Lệ phí Tòa án: Ông T và bà A thống nhất tự nguyện chịu 300.000 đồng tiền lệ phí việc dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các thỏa thuận trên của ông T và bà A là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên ghi nhận. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn T và bà Từ Thị Phương A thuận tình ly hôn.

Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Ông Lê Văn T và bà Từ Thị Phương A không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Ông Lê Văn T và bà Từ Thị Phương A khai không có nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Ông Lê Văn T và bà Từ Thị Phương A không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Ông Lê Văn T và bà Từ Thị Phương A khai không có nên không xem xét.

2. Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự với số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Lê Văn T và bà Từ Thị Phương A tự nguyện liên đới chịu nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí số ABC ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (đã nộp xong).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre; (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND xã T, huyện M (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ; VP (4b).

THẨM PHÁN

(Đã ký, đóng dấu)

Huỳnh Thị Thanh Như